

Số: 68/2024/QĐST-DS

Phù Cát, ngày 21 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu tuyên bố một người là đã chết

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông Nguyễn Đức Minh
- *Thư ký phiên họp:* Bà Nguyễn Thị Kim Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên họp:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 26/2024/TLST-VDS ngày 08 tháng 7 năm 2024 về việc: "*Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết*", theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 29/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Lương Thị Đ, SN: 1972

Trú tại: thôn A, xã C, huyện P, tỉnh B Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lương Văn Đ, SN: 1981

Nơi cư trú cuối cùng: thôn A, xã C, huyện P, tỉnh B Đ.

(*Bà Đ có mặt; Ông Đ vắng mặt*)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo yêu cầu và lời khai của bà Lương Thị Đ, bà Đ trình bày:

Bà là chị ruột ông Lương Văn Đ, sinh năm 1981. Ông Đ trước khi biệt tích có nơi cư trú sinh sống tại thôn A, xã C, huyện P, tỉnh B Đ. Cha mẹ của ông Đ là ông Lương Văn K, sinh năm 1936 và bà Phạm Thị P, sinh năm 1946. Ông K, bà P đều đã chết. Ông Đ chưa có vợ và chưa có con.

Trước khi biệt tích khỏi địa phương thì ông Lương Văn Đ có nơi cư trú sinh sống ổn định cùng với bà và cha, mẹ của ông Đ ở thôn A, xã C, huyện P, tỉnh B Đ. Khi đang sinh sống tại địa phương thì đến năm 2000 ông Lương Văn Đ bỏ nhà đi khỏi địa phương (bà chỉ nhớ năm ông Đ đi, còn ngày, tháng đi bà không còn nhớ), khi đi không báo cho gia đình và địa phương đã đi đâu rồi biệt tích từ đó cho đến nay mà không có bất cứ thông tin gì về ông Đ hiện đang làm ăn sinh sống ở đâu, còn sống hay đã chết.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố ông Lương Văn Đ, sinh năm 1981 có nơi cư trú cuối cùng tại thôn A, xã C, huyện P, tỉnh B Đ là đã chết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Phù Cát nhận định:

[1] Bà Lương Thị Đ yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Lương Văn Đ, sinh năm 1981, có nơi cư trú cuối cùng tại thôn A, xã C, huyện P, tỉnh B Đ là đã chết.

[2] Xét yêu cầu của bà Lương Thị Đ thì thấy rằng:

Bà Lương Thị Đ là chị ruột của ông Lương Văn Đ. Ông Đ trước khi biệt tích có nơi cư trú sinh sống tại thôn A, xã C, huyện P, tỉnh B Đ. Cha mẹ của ông Đ đều đã chết.

Vào năm 2000 ông Lương Văn Đ đã bỏ nhà đi, khi đi không báo cho bà Đ và gia đình là đi đâu rồi biệt tích từ đó cho đến nay mà không có bất cứ liên lạc gì với bà Đ và gia đình; bà Đ không biết hiện nay ông Đ đang làm ăn sinh sống ở đâu và cũng không có liên lạc được với ông Đ. Từ ngày ông Đ bỏ đi cho đến nay thì ông Đ không có trở về địa phương và cũng không có tin tức gì về ông Đ.

Theo nội dung xác minh tại Công an xã Cát Trinh, huyện Phù Cát xác định ông Lương Văn Đ biệt tích khỏi địa phương từ năm 2000 và hiện nay không có mặt tại địa phương; ông Đ hiện đang ở đâu, làm gì địa phương không rõ, không có tin tức xác thực là còn sống.

Bà Lương Thị Đ làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Lương Văn Đ là đã chết. Sau khi Tòa án thụ lý yêu cầu của bà Đ, Tòa án đã tiến hành đăng tin tìm

kiếm ông Đ trên báo Công lý và đài Tiếng nói Việt Nam trong 03 số liên tiếp, cho đến nay đã quá 04 tháng mà cũng không có tin tức gì về ông Đ.

Từ những nhận định trên, Tòa án nhân dân huyện Phù Cát có căn cứ để xác định ông Lương Văn Đ biệt tích từ năm 2000 cho đến nay. Do đó, việc bà Đ yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Lương Văn Đ là đã chết là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 71 Bộ luật dân sự năm 2015 nên yêu cầu của bà Đ được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên, bà Đ chỉ xác định được năm ông Đ biệt tích mà không xác định được ngày, tháng nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án xác định thời điểm mất tích của ông Đ là ngày 01/01/2001. Do đó, thời điểm chết của ông Đ được xác định là vào ngày 01/01/2006.

[3] Lệ phí giải quyết việc dân sự:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 385 Bộ luật tố tụng dân sự, bà Lương Thị Đ phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự và chi phí cho việc đăng tin thông báo tìm kiếm.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự theo hướng chấp nhận yêu cầu của bà Lương Thị Đ.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 71, Điều 72 Bộ Luật dân sự năm 2015; các Điều 391, 392, 393 Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 385 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lương Thị Đ về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Lương Văn Đ, sinh năm 1981, nơi cư trú cuối cùng: thôn A, xã C, huyện P, tỉnh B Đ là đã chết.

Tuyên bố ông Lương Văn Đ, sinh năm 1981, nơi cư trú cuối cùng: thôn A, xã C, huyện P, tỉnh B Đ là đã chết.

Thời điểm chết của ông Lương Văn Đ được xác định là ngày: 01/01/2006.

2. Về quan hệ nhân thân, quan hệ tài sản của ông Lương Văn Đ được giải quyết như đối với một người đã chết.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Buộc bà Lương Thị Đ phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí mà bà Đ đã nộp theo biên lai thu số 000... ngày ... tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

4. Chi phí cho việc đăng tin thông báo tìm kiếm:

Bà Lương Thị Đ phải chịu 3.750.000 đồng (*Ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*). Tuy nhiên, bà Đ đã tạm nộp 3.750.000 đồng cho Tòa án và đã tiến hành đăng tin xong, nên được khấu trừ.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà Lương Thị Đ có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Thi hành án dân sự H. P;
- UBND xã C;
- Người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Đức Minh

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tạilà người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng..... năm.....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

**“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN HỌP**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”